

Số: 33/2026/QĐST-HNGĐ

Thanh Hoá, ngày 02 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HÓA

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ Phí năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 146 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 35, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 48/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”. Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày: 02/01/1999.

Số Căn cước: 038099xxxxxx, cấp ngày: 25/7/2024

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Thôn Q, xã T, tỉnh T.

- Chị Nguyễn Thị X; sinh ngày: 10/02/2004

Số CCCD: 038304xxxxxx, cấp ngày: 28/9/2021

Nơi ĐKKHKT: Thôn Q, xã T, tỉnh T.

Nơi ở hiện nay: Thôn G, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, tỉnh T vào ngày 11/3/2022. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ giữa năm 2025. Nay anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị X đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thanh Hoá giải quyết cho hai bên được ly hôn.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị T1, sinh ngày: 08/9/2021. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị X thống nhất, thỏa thuận giao cháu Nguyễn Thị T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi

con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

[3]. Về tài sản, công nợ và các nghĩa vụ khác: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị X thống nhất, thỏa thuận, anh Nguyễn Văn T là người chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị X thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị T1, sinh ngày: 08/9/2021 cho anh Nguyễn Văn X trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị Nguyễn Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

Chị Nguyễn Thị X có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm anh T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá theo biên lai số: 0001718 ngày 10/3/2026. Anh T đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 7;
- UBND xã T;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hương Giang